

# MỤC LỤC

<i>Lời nói đầu</i>	7
Chương 1. Bài ai ca của Hesiod	13
Chương 2. Những lần biến hoá của chủ nghĩa tư bản	45
Chương 3. Tư bản đám mây	91
Chương 4. Sự trỗi dậy của các nhà tư bản đám mây và đoạn kết của lợi nhuận	135
Chương 5. Có gì bên trong một từ ngữ?	167
Chương 6. Tác động toàn cầu của chế độ phong kiến công nghệ: Cuộc chiến tranh lạnh mới	207
Chương 7. Thoát khỏi phong kiến công nghệ	249
Phụ lục 1. <i>Kinh tế chính trị trong chế độ phong kiến tư bản</i>	301
Phụ lục 2. <i>Sự điên rồ của phái sinh</i>	331
<i>Chỉ mục</i>	336

# CHƯƠNG 1.

## BÀI AI CA CỦA HESIOD

Bố tôi là người cánh tả duy nhất tôi biết không hiểu được tại sao gọi Margaret Thatcher<sup>(1)</sup> là “Bà Đầm Thép” lại mang hàm ý xúc phạm. Và tôi hẳn là đứa trẻ duy nhất lớn lên với niềm tin rằng vàng chẳng quý bằng sắt.

Niềm tin của tôi vào các phẩm chất thần kì của sắt bắt đầu vào mùa đông năm 1966, mà tôi nhớ là một mùa đông lạnh buốt. Trong cơn nôn nóng muốn rời khỏi căn hộ tù túng nơi chúng tôi đang thuê và chờ người ta xây lại căn nhà của chúng tôi ở Paleo Phaliro, một vùng ngoại ô của Athens, giáp biển, bố mẹ tôi đã tha lời cả nhà trở lại ngôi nhà xây dở vào giữa mùa đông, khi hệ thống sưởi trung tâm còn chưa được lắp đặt. May sao bố tôi lại khẳng rằng phòng khách mới của nhà chúng tôi có một cái lò sưởi bằng gạch đỏ tươm tất. Chính tại đó, trước ánh lửa hồng ấm áp, trong vài đêm đông, bố đã lần lượt giới thiệu tôi với những người bạn của ông.

---

(1) Margaret Thatcher là lãnh tụ Đảng Bảo thủ Anh từ năm 1975 đến 1990, Thủ tướng Anh trong suốt thập niên 1980 (1979 - 1990) và là người phụ nữ đầu tiên giữ hai chức vụ đó. Phong cách làm việc quyết liệt và thành tựu của bà nhận được sự ngưỡng mộ của nhiều người nhưng số người phản đối cũng đông không kém – BT.V.

## BẠN CỦA BỐ TÔI

Những người bạn của bố tôi đến trong cái bao tải xám lớn một tối nọ ông tha về nhà từ “nhà máy”, một nhà máy sắt thép ở Eleusis nơi bố tôi giữ chân kĩ sư hoá chất suốt mấy thập niên. Trông chúng chẳng ấn tượng tí nào. Một số trông như những cục đá chẳng rõ hình thù gì hết, về sau tôi mới biết đấy là những khối quặng. Số còn lại là những que và miếng kim loại đủ mọi hình thù, cũng chẳng có gì thú vị. Nếu không có thái độ trân quý của bố tôi khi ông đặt từng thứ một lên tấm khăn trải bàn trắng tinh theo tay trước lò sưởi, thì tôi chẳng bao giờ nghĩ chúng có gì đặc biệt.

Thiếc là người bạn đầu tiên bố giới thiệu với tôi. Sau khi đưa tôi cầm thử một miếng để cảm nhận độ mềm của nó, ông đặt nó vào trong một cái âu sắt rồi để lên trên ngọn lửa cháy bùng bùng. Khi thiếc bắt đầu tan chảy thành thứ chất lỏng màu kim loại đầy lên trong âu, mắt bố tôi sáng lên. “Tất cả những thứ thể rắn sẽ tan thành chất lỏng, và nếu cung cấp đủ nhiệt lượng thì chúng sẽ chuyển thành dạng hơi. Kể cả là kim loại!” Khi ông tin chắc rằng tôi hiểu được quá trình chuyển đổi tuyệt vời từ trạng thái rắn sang trạng thái lỏng, chúng tôi cùng nhau rót thiếc lỏng vào một cái khuôn, rồi nhúng nó vào nước lạnh để làm nguội, rồi bửa cái khuôn ra để tôi lại có thể cầm miếng thiếc trên tay mà biết chắc rằng người bạn của chúng tôi đã trở lại bình thường – tức là nó đã về lại trạng thái rắn ban đầu.

Đêm tiếp theo chúng tôi thí nghiệm với một người bạn khác: một thanh dài được làm bằng đồng. Lần này thì không có quá trình chuyển đổi diệu kì nào hết, bởi nhiệt độ nóng chảy của đồng cao gấp năm lần thiếc. Dầu vậy, thanh đồng bắt đầu nóng lên, ánh rực đỏ ngả cam sáng, và bố cho tôi thấy với cái đầu nóng đỏ của thanh đồng tôi có thể dùng một chiếc búa sắt nhỏ để tạo ra bất cứ hình thù gì mình muốn. Khi nghịch đủ rồi, chúng tôi nhúng nó vào nước để đưa nó, mát lạnh và không đổi, về trạng thái để uốn ban đầu.

Vào đêm thứ ba, bố tôi hình như phấn khích hơn bao giờ hết. Ông sắp giới thiệu với tôi người bạn thân nhất, sắt. Để giờ phút ấy thêm phần hồi hộp, ông tháo cái nhẫn cưới bằng vàng khỏi ngón tay và giơ cho tôi xem. “Thấy vàng lấp lánh không?” – bố tôi nói. – “Con người vẫn luôn si mê thứ kim loại này chỉ vì vẻ ngoài của nó. Họ lại không nhận ra rằng nó chỉ có như vậy thôi: hào nhoáng – nhưng không đặc biệt.” Nếu tôi muốn, ông sẽ vui lòng chứng minh rằng khi vàng được đốt nóng rồi lại nhúng vào nước để làm nguội, thì cũng như thiếc và đồng, nó trở lại trạng thái ban đầu của mình. Lấy làm mừng vì tôi không khăng khăng đòi dùng nhẫn vàng minh hoạ, bố chuyển sang tiết mục ưa thích của ông.

Cầm một mẫu quặng sắt và nhìn vào cái cục tẻ ngắt ấy như Hamlet trầm ngâm nhìn cái sọ của Yorick, bố tôi nói: “Nào, nếu con muốn một thứ vật chất đích thực thần kì, thì nó đây: Sắt – Phù thủy trong các Vật liệu.” Rồi ông chứng minh nhận định của mình bằng cách đưa một thanh sắt vào nung giống như đã làm với thanh đồng đêm trước, nhưng có vài thay đổi quan trọng.

## DẪN NHẬP CỦA MỘT ĐỨA TRẺ VÀO CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ

Trước khi nung nóng thanh sắt, tôi được cho cầm búa gõ thử vào đầu nó để thấy rằng nó mềm và dễ uốn chẳng kém gì đồng. Một khi đã cho nó vào lò sưởi rồi, chúng tôi dùng một cái bể nhỏ để thổi lửa cho đến khi đầu thanh sắt rực lên khiến cho căn phòng khách lờ mờ chuyển sang màu đỏ. Chúng tôi lấy thanh sắt ra khỏi lò, rồi dùng một cái búa con để định hình nó thành một thứ mà trong con mắt trẻ thơ của tôi trông giống một thanh kiếm. Khi nhúng vào nước lạnh, sắt rít lên xèo xèo như đặc trắng. “Khổ thân Polyphemus<sup>(1)</sup>!” Bố tôi nhận xét đầy bí ẩn.

“Nung tiếp nào,” bố tôi nói. Tôi lại đặt thanh sắt vào lửa. “Lần này ta hãy nhúng nó vào nước *trước khi* nó nóng sáng lên.” Thích thú trước tiếng xèo xèo của sắt, tôi sung sướng khi hai bố con lặp lại quá trình “tôi” thép, theo cách gọi của các nhà luyện kim, ba hoặc bốn lần gì đó. Trước khi tôi có cơ hội ngưỡng mộ thanh kiếm mới của mình, bố tuyên bố rằng giờ khắc chân lí đã tới.

“Hãy cầm búa lên và đập thật mạnh vào đầu thanh kiếm xem nào.” – Bố nói.

“Nhưng nhờ nó hông thì sao?” – Tôi phản đối.

“Cứ làm đi, con sẽ thấy. Đừng tiếc sức!”

Tôi nện thật lực. Cái búa đập vào đầu thanh kiếm và bật lại. Tôi đập vài phát nữa. Không ăn thua gì hết. Thanh kiếm của tôi trơ ra trước mọi cú quai búa. Nó đã cứng lại.

(1) Một nhân vật trong thần thoại Hi Lạp, là người khổng lồ một mắt bị Ulysses dùng cây cọc nung nóng đâm mù mắt – ND.

Bố tôi không thể hoãn cái sự sung sướng lại. Bố giải thích rằng thứ tôi vừa chứng kiến không phải là sự chuyển đổi bình thường – như đã xảy ra với thiếc nóng chảy – mà là một sự chuyển hoá vĩ đại. Đúng vậy, từ thời tiền sử, đồng đã giúp cuộc sống con người trở nên đỡ khó khăn hơn rất nhiều: khả năng kết hợp với asen và thiếc để tạo ra hợp kim đồng cứng hơn đã giúp người Lương Hà, người Ai Cập và người Hi Lạp phát triển những công nghệ mới, gồm có lưỡi cày mới, rìu và hệ thống tưới tiêu, rột cục giúp họ tạo ra được phần thặng dư nông nghiệp đủ để trang trải việc xây dựng những đền thờ tráng lệ và những đội quân tàn sát dững mãi. Nhưng để lịch sử có thể tăng tốc đủ đạt tới cái mà ngày nay chúng ta gọi là nền văn minh, nhân loại cần thứ gì đó phải cứng hơn cả đồng. Nó cần cày, búa và những kết cấu kim loại đạt tới độ cứng như lưỡi kiếm của tôi. Nó cần học cái mẹo mà tôi đã được chứng kiến trong phòng khách nhà mình: làm thế nào để chuyển sắt mềm thành thép cứng, bằng cách “rửa tội” nó trong nước lạnh.

Thời kì Đồ Đồng, mọi cộng đồng không học được cách “rửa tội” sắt đều lụi tàn, bố tôi nhấn mạnh.

Những thanh kiếm của kẻ thù mang giáp sắt cắt qua bao tấm khiên đồng của họ như cắt mớ rau, những cái cày của họ cũng không thể canh tác trên những vùng đất đai kém màu mỡ hơn, những trụ kim loại chống đỡ các đập

nước và đền đài của họ quá yếu để có thể hoàn thành tham vọng của những kiến trúc sư có tầm nhìn. Trái lại, những cộng đồng làm thuần thục được *techne*<sup>(1)</sup>, cái kĩ nghệ “luyện” thép, sẽ lớn mạnh trên những cánh đồng, trên chiến trường, trên biển, trong thương mại, trong nghệ thuật. Phép màu của thép chính là nền móng cho vai trò mới của công nghệ: lực đẩy dẫn tới văn minh và những nổi bật mãi đi kèm với nó.

E rằng tôi không tin vào ý nghĩa văn hoá ngụ trong thí nghiệm nho nhỏ mà chúng tôi vừa thực hiện – cũng như trong sự tiến lên thời kì Đồ Sắt – bố tôi đã giải thích cái nhận xét trước đó của ông về “Polyphemus” đáng thương, người khổng lồ một mắt trong lời kể của Homer đã cầm tù Odysseus và người của chàng trong một cái hang, nhấn nha nuốt chửng từng người một. Để đào thoát, Odysseus đã đợi Polyphemus uống rượu say, rồi đốt nóng một cái cọc nhọn bằng ngọn lửa trong hang, và với sự trợ giúp của các đồng đội, đâm lút cái cọc vào con mắt duy nhất của Polyphemus. “Có nhớ tiếng sắt xèo xèo không?” bố hỏi. Chà, hẳn là tác giả Homer cũng bị ấn tượng không kém cái âm thanh ấy, chỉ cần đọc đoạn thơ trong sử thi *Trường ca Odyssey* ghi lại khoảnh khắc tàn bạo đó là thấy:

---

(1) *Techne* tiếng Hi Lạp có nghĩa là kĩ nghệ, kĩ năng, nghề thủ công và kĩ thuật. Từ tiếng Anh hiện đại *technology* (công nghệ) bắt nguồn từ tiền tố *techne* và hậu tố *ology*, có nghĩa là từ và lời nói; cả hai từ đều có nguồn gốc từ tiếng Hi Lạp kết hợp lại để có nghĩa là “ứng dụng thực tế của kiến thức”. Các nhà triết học cổ đại Hi Lạp đều đề cao *techne*, Aristotle tin rằng người hành nghề có kiến thức về *techne* có thể truyền đạt tốt kĩ năng của họ vì họ không chỉ có trí tuệ về nghề mà còn lượng được kết quả – ND.

Và giống như khi một thợ rèn nhúng rìu vào nước lạnh trong tiếng xèo rất to đặng tôi chúng – để từ đó sinh ra sức mạnh của sắt – con mắt hẳn cũng rít lên xèo xèo quanh cái cọc bằng gỗ cây ô liu.

Odysseus và những người cùng thời đã sống trước thời Đồ Sắt, và hẳn không thể nào biết được tiếng sắt xèo xèo lại báo trước một sự cứng lại ở cấp độ phân tử có tầm vóc lịch sử. Nhưng Homer, người sống cách cuộc chiến thành Troy chừng hai thế kỉ, là đứa con của thời đại Đồ Sắt, bởi vậy đã trưởng thành giữa cuộc cách mạng công nghệ và xã hội mà thép đã tạo ra. Đề phòng tôi nghĩ rằng Homer chỉ là một ngoại lệ, bố đã chỉ ra ảnh hưởng dài lâu từ phép màu của sắt trong câu thơ của Sophocles, người bốn thế kỉ sau đã tả một linh hồn là “cứng lại như sắt được tôi qua nước”.

Tiền sử đã nhường chỗ cho lịch sử, bố tôi nói, khi đồng thay thế các công cụ và vũ khí bằng đá. Khi đồng trở nên phổ biến sau năm 4000 TCN, những nền văn minh hùng mạnh đã nổi lên ở Lưỡng Hà, Ai Cập, Trung Quốc, Ấn Độ, Crete – Mycenae (Hi Lạp) và nhiều nơi khác. Dẫu vậy, lịch sử khi đó vẫn đếm bằng thiên niên kỉ. Để đếm bằng đơn vị thế kỉ, chúng ta phải khám phá ra ma thuật của sắt. Một khi thời kì Đồ Sắt khởi đầu, vào khoảng thế kỉ 9 TCN, ba thời đại lớn khác nhau đã nổi lên nối tiếp chỉ trong bảy thế kỉ không hơn: thời kì Kì hà, thời kì Cổ điển và thời kì Hi Lạp hoá.

Từ tốc độ phát triển chậm rì của thời đại Đồ Đồng, nhân loại đã bị đẩy tới tốc độ phát triển ná thở của thời kì Đồ Sắt. Nhưng suốt một thời gian dài, sắt thép vẫn quá

đắt đỏ và quá khó sản xuất. Ngay cả sau Cách mạng Công nghiệp, những con tàu hơi nước đầu tiên chủ yếu vẫn làm bằng gỗ, chỉ có những bộ phận trọng yếu thì mới làm bằng thép (nồi hơi, ống khói, khớp nối). Đến đây bố tôi nhắc tới một người hùng vĩ đại khác, Henry Bessemer, người đã phát minh ra kỹ thuật cho phép sản xuất thép số lượng lớn với giá thành rẻ bằng cách thổi không khí qua gang nấu chảy để loại bỏ tạp chất. Theo bố tôi, đó chính là lúc lịch sử đạt tới tốc độ mà chúng ta đã quen thuộc ngày nay. Kết hợp với việc thuần hoá được điện từ nhờ công của một người thời Victoria khác là James Maxwell, kỹ thuật của Bessemer đã giúp chúng ta có được cuộc Cách mạng Công nghiệp Thứ hai<sup>(1)</sup> - giai đoạn đổi mới kỹ thuật nhanh chóng kể từ năm 1870 trở đi, phân biệt với sự xuất hiện của các nhà máy vào đầu thế kỷ ấy, trong cuộc Cách mạng Công nghiệp Thứ nhất<sup>(2)</sup> - những điều kì diệu và nỗi kinh hoàng của nó hoà quyện chặt chẽ với nhau.

Nhìn lại những đêm đông năm 1966 ấy, giờ tôi thấy rõ mình đã được dẫn dắt vào phép “duy vật lịch sử” – một phương pháp lí giải lịch sử như là một vòng lặp hồi ứng liên tục giữa một bên là cách con người chuyển hoá vật chất, và bên còn lại, là cách vật chất mới làm thay đổi cách suy nghĩ cùng các mối liên hệ xã hội của con người. May thay, chủ nghĩa duy vật lịch sử của bố tôi có một sắc thái riêng, niềm say mê công nghệ của ông được kiềm bớt lại bởi những nỗi lo âu sáng suốt về năng lực vô biên của

(1) Cách mạng Công nghiệp Thứ hai: 1871-1914.

(2) Cách mạng Công nghiệp Thứ nhất: nửa cuối thế kỉ 18 đến nửa đầu thế kỉ 19.

nhân loại trong trò phá hoại, trong việc biến công nghệ thần kì thành một địa ngục trần gian.

Cũng như mọi công nghệ mang tính cách mạng khác, sắt đã làm lịch sử tăng tốc. Nhưng theo hướng nào? Nhằm mục đích nào? Nó tác động ra sao lên chúng ta? Theo bố tôi giải thích, từ khởi đầu của thời kì Đồ Sắt, đã có nhiều người thấy trước những hệ quả bi thảm của nó. Thi sĩ Hesiod quanh quẩn cùng thời với Homer. Tác phẩm *Works and Days* của ông đã làm dịu đi niềm hứng khởi của bố tôi đối với sắt và công nghệ nói chung:

*Tôi ước gì mình không phải sống với con người Thời đại thứ Năm [Thời đại Sắt], mà được chết sớm hơn, hoặc sinh ra muộn hơn.*

*Bởi chúng ta giờ đây là một thế hệ sắt, những kẻ không bao giờ ngơi tay lao động, không tránh khỏi phiền não ban ngày, cũng như héo hon vào ban đêm... Nhưng, bất chấp cái thiện trộn lẫn với cái ác ở họ... [thế hệ này] sẽ không ủng hộ những người biết giữ lời thề, những người công chính, những người lương thiện... kẻ mạnh sẽ là kẻ đúng... kẻ đòi bại tàn hại người tốt... phàm nhân chúng ta sẽ chỉ còn lại những muộn phiền cay đắng, và ta vô phương chống lại cái ác.*

Theo Hesiod, sắt làm cứng lại không chỉ lưỡi cày của chúng ta mà còn cả linh hồn ta nữa. Dưới ảnh hưởng của nó, tinh thần của chúng ta được rèn, được nung trong lửa, những dự vọng mới mẻ của chúng ta được tôi giống như

kim loại rít lên khi được nhúng vào vạc của thợ rèn. Đức hạnh của chúng ta chịu thử thách, các giá trị bị phá huỷ khi tiền thưởng của chúng ta tăng lên, điền sản chúng ta mở rộng. Sức mạnh đem đến những niềm vui mới, nhưng cũng kèm theo cả sự mệt mỏi cùng bất công. Hesiod tiên báo trước rằng Zeus hẳn không còn lựa chọn nào khác ngoài huỷ diệt một nhân loại không còn khả năng chế ngự quyền năng của chính nó, thứ quyền năng sinh ra từ công nghệ.

Bố tôi không đồng ý với Hesiod. Ông muốn tin rằng nhân loại chúng ta có thể trở thành chủ nhân của công nghệ chứ không phải biến bản thân và kẻ khác thành nô lệ. Khi Prometheus thay mặt loài người trộm lửa của thần Zeus, biểu tượng cho sức nóng sáng rực của công nghệ, ngài đã làm vậy với hi vọng nó sẽ thắp sáng cuộc sống chúng ta mà không thiêu cháy mặt đất. Bố tôi muốn tin rằng chúng ta có thể làm Prometheus phải tự hào.

## TỪ NHIỆT TỚI ÁNH SÁNG

Thái độ lạc quan bẩm sinh chỉ là một lí do khiến bố tôi vẫn hi vọng rằng nhân loại sẽ không lãng phí những quyền năng ma thuật như bố đã giới thiệu với tôi trước lò sưởi. Lí do còn lại là cuộc gặp gỡ của ông với bản chất của ánh sáng.

Một lần, khi tôi rút một thanh sắt ra khỏi lửa, bố tôi hỏi: “Con có đoán ra thứ gì đã rời khỏi kim loại nóng để tới mắt con, nhờ thế con thấy nó nóng đỏ không?”

Tôi không biết. Được cái, tôi không phải là người duy nhất không biết.

“Suốt hàng thế kỉ, ánh sáng đã gây chia rẽ giữa những bộ óc xuất chúng nhất” – bố tôi nói. Một số người, như Aristotle và James Maxwell, coi ánh sáng giống như một sự nhiễu loạn trong không khí, một dạng sóng lan ra từ một điểm khởi phát – giống như âm thanh vậy. Những người khác, chẳng hạn như Democritus và Isaac Newton lại chỉ ra rằng, không giống âm thanh, ánh sáng không thể đổi hướng ở góc – sóng lại có thể làm được điều này – bởi vậy nó nhất định phải cấu thành từ những thứ rất nhỏ, tức các hạt, di chuyển theo một đường thẳng trước khi chạm vào võng mạc chúng ta. Ai mới đúng đây?

Cuộc đời bố tôi đã thay đổi, hoặc đấy là ông kể thế, khi ông đọc được câu trả lời của Albert Einstein: họ đều đúng! Ánh sáng vừa là một luồng các hạt vừa là một chuỗi những đợt sóng. Làm sao lại thế được? Hạt về bản chất khác với sóng. Tại một thời điểm cụ thể chúng ở vào một điểm duy nhất, chúng có động lượng, chúng di chuyển theo một đường thẳng trừ phi và cho tới khi có thứ gì cản đường chúng. Ngược lại, sóng là những dao động của một môi trường, điều này cho phép chúng đổi hướng và truyền năng lượng theo nhiều hướng khác nhau cùng lúc. Chứng minh rằng ánh sáng vừa là sóng vừa là hạt như Einstein đã làm chính là thừa nhận rằng một thứ có thể mang hai bản chất hoàn toàn đối lập cùng lúc.

Với bố tôi, bản chất lưỡng tính của ánh sáng là cửa ngõ để nhận ra tính lưỡng diện cốt lõi trong tự nhiên cũng

như trong xã hội. “Nếu ánh sáng có thể đồng thời là hai thứ khác nhau,” ông bần khoản trong một lá thư viết gửi mẹ mình khi còn trẻ, “nếu vật chất là năng lượng và năng lượng là vật chất,” như Einstein đã khám phá, “thì tại sao chúng ta lại phải đúc khuôn cuộc đời theo những định nghĩa đen trắng, hoặc thậm chí tệ hơn, theo một sắc xám nào đó?”

Khi tôi mười hai hay mười ba tuổi, từ những cuộc trò chuyện ấy tôi thấy rõ một điều là tình yêu của bố tôi với ma thuật của sắt – tức công nghệ – và với vật lí của Einstein – tính lưỡng diện đối nghịch ẩn trong mọi thứ – có liên quan gì đó tới quan điểm chính trị cánh tả của ông, mà vì nó ông đã phải vào tù vài năm. Linh cảm của tôi được khẳng định khi tôi đọc được văn bản một bài diễn thuyết được thực hiện bởi chính người đã đề ra ý niệm duy vật lịch sử: Karl Marx. Cứ như thể chính bố tôi đang thốt lên những lời ấy vậy:

*Vào thời đại chúng ta, mọi thứ dường như chứa đựng trong mình sự đối nghịch: Máy móc, được phú cho quyền năng tuyệt vời là rút ngắn và làm công sức lao động của con người đơm hoa kết trái, lại cho chúng ta thấy lao động bị vắt kiệt, bị bỏ đói; những nguồn của cải mới thì bị một bùa phép quái đản nào đó biến thành những con thiếu thốn; thắng lợi của nghệ thuật phải trả bằng cái giá là sự đánh mất cá tính.*

Bố tôi hăm hở minh họa cho tôi thấy cái quyền năng giảm bớt sức lao động của con người và làm nó sinh lợi

thông qua sự chuyển hoá của vật chất: sắt biến thành thép trong lò luyện, nhiệt biến thành động năng trong đầu máy hơi nước thần kì của James Watt, những phép màu nho nhỏ diễn ra trong những nam châm và dây cáp điện tín. Nhưng kể từ Thời đại Thứ Năm của Hesiod<sup>(1)</sup>, nó đã là một thứ quyền năng hàm ẩn mặt đối lập: quyền năng làm chết đói, lạm dụng sức lao động, biến một nguồn của cải thành một sự thiếu thốn. Mối liên hệ giữa hai đam mê của bố tôi – một là với lò luyện, luyện kim và công nghệ nói chung, và một là với chính trị – đã trở nên hết sức rõ ràng khi tôi lần đầu đọc *Tuyên ngôn Cộng sản*, đặc biệt là dòng sau đây:

*Mọi thứ vững chắc đều tan biến thành mây khói,  
mọi thứ thiêng liêng đều bị báng bổ, để rồi cuối cùng  
con người buộc phải dùng lí trí đối mặt với những  
điều kiện sống thực tế của mình và mối quan hệ với  
đồng loại.”*

---

(1) Theo nhà thơ cổ đại Hi Lạp Hesiod (thế kỉ thứ 8–7 TCN), loài người đã trải qua 5 thời đại khác nhau, lần lượt là Người Vàng, Người Bạc, Người Đồng, Thời đại Anh Hùng và Người Sắt. Thời đại Người Vàng là thời phồn vinh, con người sống như thiên đường trên mặt đất. Thời đại Người Bạc là thời thần Zeus trị vì, vẫn phồn vinh và hạnh phúc, cho đến lúc con người mở hộp pandora, bắt đầu có hận thù và đau khổ. Cuối thời đại này con người đánh nhau và chống lại các vị thần nên bị các vị thần Olympus giáng thiên tai địch hoạ xuống trừng trị. Thời đại Người Đồng là thời kì bạo lực và hiếu chiến, họ sống ích kỉ và không màng đến đạo đức khiến thần Zeus nổi giận và quyết định giáng đại hồng thủy để xoá hết mọi thứ trên mặt đất. Thời đại Anh Hùng là thời diễn ra các sự kiện lớn trong thần thoại Hi Lạp, người được thần và các á thần trợ giúp, kết thúc là sự rời bỏ của các vị thần, cũng là kết thúc của thần thoại Hy Lạp. Thời đại Người Sắt chính là thời đại của con người bình thường chúng ta đang sống, là thời kì tối tệ nhất trong 5 thời đại, nơi có chiến tranh, đau khổ và muốn có hạnh phúc thì phải nỗ lực mới có được. Và vì Hesiod sinh ra trong Thời đại Thứ Năm nên ông không biết chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo – BTV.

Câu này khơi lại kí ức của tôi về niềm hăm hở con trẻ của bố khi ông nhìn thấy kim loại tan chảy trước lò sưởi, hay ngoạn mục hơn rất nhiều, ở nhà máy thép nơi bố tôi là giám đốc bộ phận kiểm soát chất lượng, ở đó nhiệt độ đủ cao để khiến sắt “tan biến thành mây khói” đúng nghĩa đen.

Nhưng không như Hesiod – cũng không như các nhà đạo đức học ở thời đại chúng ta – bố tôi không cảm thấy ông phải chọn phe, hoặc say mê công nghệ, hoặc khiếp hãi nó. Nếu ánh sáng có thể mang hai bản chất đối lập, nếu tất cả tự nhiên đều dựa trên đối lập nhị nguyên, thì thép luyện, đầu máy hơi nước và máy tính kết nối mạng cũng có thể vừa là công cụ giải phóng vừa là công cụ nô dịch người khác. Thế tức là, việc chúng sẽ trở thành cái gì đều phụ thuộc vào chúng ta, vào nhân loại nói chung. Đây chính là chỗ chính trị bước vào.

## MỘT DẪN NHẬP ĐỘC LẠ NHẤT VỀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

Những người theo cánh tả thường trở nên cực đoan trong phản ứng của họ với những sự bất công xấu xa và sự bất bình đẳng tệ hại mà chủ nghĩa tư bản tạo ra. Tôi thì lại không như thế. Dĩ nhiên, lớn lên giữa lúc một chính quyền phát xít toàn trị đang nắm quyền có ảnh hưởng, nhưng xu hướng cánh tả của tôi lại xuất phát từ những lí do riêng

tư hơn rất nhiều: đấy chính là một sự nhạy cảm mà bố đã trao cho tôi, trước tính nhị nguyên của mọi thứ.

Trước cả khi tôi đọc những gì mà Marx hay bất cứ nhà kinh tế học nào khác đã viết, tôi cho là mình có thể nhận ra được một vài cặp nhị nguyên được vùi sâu trong các nền móng của xã hội chúng ta. Cảm giác ngờ ngợ đầu tiên về một cặp nhị nguyên ấy đã chạm vào tôi một tối nọ khi mẹ tôi phàn nàn với bố rằng ở nhà máy phân bón nơi bà làm việc trong vai trò nhà hoá học, bà được trả lương theo thời gian chứ không phải theo nhiệt huyết. “Đồng lương của em chết đói vì thời gian của em rẻ mạt,” bà nói. “Còn đam mê đạt được kết quả đúng của em thì đảm lãnh đạo được hưởng không!” Chẳng bao lâu sau bà thôi việc và chuyển sang làm chuyên viên hoá sinh ở một bệnh viện công. Vài tháng sau khi làm công việc mới, bà sung sướng nói với cả nhà: “Ít nhất thì ở bệnh viện, công sức của em cũng làm lợi cho bệnh nhân, mặc dù em vô hình với họ cũng như em từng vô hình với đám chủ nhà máy.”

Những lời đó cứ vẫn vơ trong óc tôi. Mẹ đã vô tình giới thiệu cho tôi về tính nhị nguyên của lao động trả lương. Người ta trả lương cho mẹ theo thời gian và các kĩ năng chính thức của bà (tức bằng cấp chứng chỉ) phản ánh “giá trị trao đổi” của thời gian mẹ tôi làm việc ở nhà máy. Nhưng đấy lại không phải là những điều góp giá trị đích thực vào bất cứ thứ gì được sản xuất ở nơi bà làm việc. Giá trị đích thực trong các sản phẩm của nhà máy hay bệnh viện được sinh ra từ nỗ lực, nhiệt huyết, sự chuyên cần, thậm chí năng khiếu – tất cả những thứ đó đều không thể đo đếm được. Nó giống như việc đi xem phim ở rạp ấy:

giá vé bạn trả phản ánh giá trị trao đổi của bộ phim, nhưng nó hầu như ít liên quan đến khoái cảm nó đem lại cho bạn, mà chúng ta có thể gọi là “giá trị trải nghiệm”. Tương tự như vậy, lao động được chia ra thành lao động hàng hoá (thời gian của mẹ tôi được người ta trả lương) và lao động trải nghiệm (nỗ lực, đam mê và năng khiếu bà đưa vào công việc của mình).

Tôi hồi tưởng lại một cách sống động khi được đọc Marx, tôi đã phấn khích phát hiện ra rằng nhờ vào những bài học bên lò sưởi của bố tôi và lời giải thích của mẹ, tôi đã tình cờ động vào một trong những nguyên tắc trung tâm của nhà kinh tế học lỗi lạc ấy. Trong thế giới mà chúng ta xem là hiển nhiên ngày nay, lao động có vẻ cũng chỉ như mọi hàng hoá khác. Trong cơn tuyệt vọng kiếm sống, mọi người quảng bá khả năng của họ giống như chủ tiệm quảng cáo hàng hoá của mình. Họ chấp nhận một cái giá do thị trường quyết định (lương) trả cho lao động của mình, giá này phản ánh giá trị trao đổi của nó, tức là giá trị của nó trong tương quan với những hàng hoá có thể trao đổi khác. Đây chính là hàng hoá sức lao động. Tuy nhiên, chúng ta cũng thấy rằng không giống như bột giặt, khoai tây hay iPhone, là những hàng hoá không hơn, lao động lại còn có những bình diện khác.

Để minh hoạ bản tính thứ hai của lao động, tức lao động trải nghiệm mà mẹ tôi nhắc đến, hãy thử nghĩ đến ý tưởng tuyệt vời được đề ra bởi một nhóm kiến trúc sư đam mê làm việc cho một công ty xây dựng đa quốc gia. Hay những thần thái tích cực mà một bồi bàn toả ra nơi nhà hàng. Hay giọt nước mắt hạnh phúc của một giáo viên khi

một học sinh chật vật cuối cùng đã giải được một bài toán khó. Tất cả những thứ ấy đều không thể chuyển thành hàng hoá được. Tại sao? Bởi không có một phần thưởng tiền bạc nào có thể khơi gợi được một khoảnh khắc cảm hứng đích thực, người ta không thể mua được nụ cười thành thực hay giọt nước mắt chân thành. Thực tế là nếu cứ cố làm thế, chúng sẽ biến mất. Quả thực, những ông sếp cố gắng lượng hoá, đặt giá hay biến thứ lao động trải nghiệm thành hàng hoá sẽ chỉ trở thành thằng ngốc cứ gào lên ra lệnh cho bạn: “Ngẫu hứng mau!”

Thứ tôi gọi là lao động trải nghiệm, cái phần không thể đem bán được ấy, Marx chỉ gọi đơn giản là lao động mà thôi. Còn thứ tôi gọi là lao động hàng hoá thì Marx định nghĩa là sức lao động (labouring power). Nhưng ý tưởng cốt lõi thì vẫn vậy. “Thứ người lao động bán đi không phải Lao động của anh ta, mà là Sức Lao động, được anh ta tạm thời chuyển quyền sử dụng cho nhà tư bản.” Hãy tưởng tượng niềm sung sướng của tôi lúc ấy khi phát hiện ra rằng, dựa trên hai bản chất của lao động, Marx đã dựng lên cả một lí thuyết về chủ nghĩa tư bản.

Bởi bí mật của chủ nghĩa tư bản nằm chính ở đây: mồ hôi, sự nỗ lực, cảm hứng, thiện chí, sự chăm chú và cả nước mắt phi hàng hoá của người lao động chính là thứ thổi giá trị trao đổi vào những hàng hoá mà các ông chủ sẽ bán lại cho những khách hàng hau háu – thực tế đây chính là thứ khiến cho một toà nhà, hay nhà hàng, hay trường học, trở nên đáng khao khát.

Người ta có thể phản đối rằng có rất nhiều nhà máy được vận hành bởi các lao động robot không niềm vui,

không cảm hứng có thể sản xuất ra hộp thiếc hay những vật dụng với chi phí thấp hơn tiền lương cho công nhân. Đúng là thế. Nhưng điều này xảy ra chỉ vì các ông chủ không thể mua được nỗ lực của những người lao động tay chân đơn giản. Ông chủ chỉ có thể mua được thời gian của họ thôi, mà trong thời gian ấy, bằng nhiều cách khác nhau, sẽ dồn ép họ phải làm việc, phải đổ mồ hôi. Mấu chốt ở đây là cái thứ mồ hôi cổ cồn xanh này lại giống hết tài năng của kiến trúc sư được trả lương, ở chỗ nó không thể trực tiếp đem ra mua bán được. Quả thực, đây chính là quyền năng bí mật của các ông chủ: để lấy được giá trị thặng dư, dù là từ các công việc đòi hỏi kỹ năng cao hay chỉ là công việc lặp đi lặp lại như robot, không chút cảm hứng, họ có thể trả tiền mua thời gian của người lao động (lao động hàng hoá) nhưng không thể thực sự mua mồ hôi hay năng khiếu của họ được (lao động trải nghiệm).

Có thể bạn sẽ nghĩ các ông chủ sẽ bực dọc lắm vì họ không thể mua được những phút *xuất thần* của kiến trúc sư, cái nụ cười tự nhiên của người bồi bàn, hay nước mắt của người giáo viên, những thứ mà thiếu chúng thì sản phẩm của họ chẳng còn mấy giá trị. Ngược lại, các ông chủ giống như người mua hàng mua một cái áo giá một ngàn đôla rồi tìm thấy hai ngàn đôla khâu trong lớp lót áo. Quả thực nếu không như thế thì họ phá sản là cái chắc!

Khi tôi lần đầu đối diện lời giải thích khai sáng này về bí mật của chủ nghĩa tư bản, tôi thấy nó quyến rũ làm sao: nhà tư bản có được lợi nhuận chính là nhờ ông ta không thể mua được lao động trải nghiệm một cách trực tiếp.

Thế mà sự bất khả đày lại đem đến một mối lợi thật ghê gớm! Vì rốt cục họ chính là kẻ đút túi khoản chênh lệch giữa giá trị trao đổi họ trả cho người lao động để đổi lấy lao động hàng hoá (lương) và giá trị trao đổi của hàng hoá được tạo ra nhờ lao động *trải nghiệm*. Nói cách khác, bản chất hai mặt của lao động chính là thứ tạo nên lợi nhuận.

Mà không chỉ lao động mới có bản chất hai mặt đâu. Lối tuyên truyền thống trị ngày nay cũng như hồi tôi còn nhỏ đấy là lợi nhuận chính là giá, hay phần thưởng, của một thứ được gọi là tư bản, và những người nào có tư bản – chẳng hạn như công cụ, nguyên liệu thô, tiền, bất cứ thứ gì có thể dùng để sản xuất ra hàng hoá bán được – sẽ thu được lợi nhuận bằng cách vận dụng tư bản tương tự như một người lao động kiếm tiền lương bằng cách vận dụng lao động của mình. Nhưng cái kết luận rằng lợi nhuận sinh ra từ bản chất kép đối nghịch của lao động đã giúp tôi phủ nhận quan niệm này. Một lần nữa, trước cả khi tôi đọc Marx, nhờ chú ý đến lời bố mẹ, càng nghĩ về tư bản thì tôi lại càng tin tưởng rằng giống như ánh sáng và lao động, nó cũng có hai bản chất.

Một mặt nó là tư bản hàng hoá, chẳng hạn như cái cần câu, máy kéo, máy chủ của một công ti, hay bất cứ hàng hoá nào được tạo ra để dùng vào việc sản xuất những hàng hoá khác. Tuy nhiên, bản chất thứ nhì của tư bản thì lại không dính dáng gì đến hàng hoá. Giả như tôi phát hiện mình sở hữu những công cụ mà anh cần để sản xuất những thứ thiết yếu cho sự sinh tồn của gia đình anh, chẳng hạn như cái cần câu, máy kéo hay máy chủ

ở trên. Đột nhiên tôi có quyền bắt anh làm một số việc, chẳng hạn như làm việc cho tôi, để đổi lại quyền sử dụng công cụ của tôi. Nói ngắn gọn, tư bản vừa là một vật (tư bản hàng hoá) vừa là một lực (tư bản quyền lực) – hệ như lao động bị chia ra thành lao động hàng hoá và lao động trải nghiệm.

Khi tôi bắt đầu đọc Marx, tôi không thể không xem xét trước tác của ông qua những lăng kính được trao cho tôi bởi nỗi khó chịu của mẹ tôi ở nơi làm việc và niềm cảm hứng của bố tôi lấy từ nhà vật lý vĩ đại thế kỷ XX. Dẫu sung sướng là thế trước tính nhị nguyên mình nhìn ra được, trong thâm tâm tôi vẫn tự hỏi Einstein sẽ nhìn thấy điều gì từ những phép ngoại suy rồ dại của tôi – từ thuyết về ánh sáng của ông, mà đúng hơn là từ hiểu biết ít ỏi của tôi về nó, mà đi tới yếu tính của chủ nghĩa tư bản. Nhỡ ra bố tôi vô tình giải thích sai về Einstein, khiến cho trí tưởng tượng của tôi đi chệch hướng vì một ẩn dụ hời hợt và sai lầm thì sao?

Nhiều năm sau tôi tình cờ gặp được câu này của Einstein: “Quan trọng là phải hiểu rằng ngay cả trong lý thuyết thì tiền lương của công nhân cũng không được quyết định dựa trên giá trị sản phẩm của anh ta.” Câu này xuất hiện trong một bài báo có tựa đề “Tại sao lại là chủ nghĩa xã hội?”, được xuất bản vào tháng Năm năm 1949. Khi đọc nó, tôi thờ phào. Rốt cục tôi đã không suy diễn những kiến thức của Einstein một cách tùy tiện. Ông cũng tin rằng cốt lõi của chủ nghĩa tư bản là sự phân chia lao động thành hai bản chất không tương ứng với nhau.